

Số: /HD-SYT

Hải Phòng, ngày tháng 01 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi là Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND);

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 3197/UBND-VX ngày 17/12/2025 về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực y tế. Sở Y tế hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND, nhằm thống nhất cách thức tổ chức thực hiện trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và thống nhất cách thức tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND trên phạm vi toàn thành phố, bảo đảm các chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn được triển khai đồng bộ, đúng quy định và hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND phải được tổ chức nghiêm túc, kịp thời, đúng quy định, công khai và minh bạch.

- Có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai, thực hiện chính sách, thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý vướng mắc, không để xảy ra việc lợi dụng, trùng lặp chính sách, bỏ sót đối tượng hoặc chi trả sai quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng thụ hưởng chính sách

Việc xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Điều 2 Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND; Trong phạm vi Hướng dẫn, để thống nhất cách hiểu khi triển khai, một số nội dung được lưu ý như sau:

1.1. Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, được xác định là:

a) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ);

b) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại điểm a tiêu mục 1.1.

1.2. Trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2025, được xác định là:

a) Trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo của năm 2025 là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo của năm 2025 không thuộc đối tượng quy định tại điểm a tiêu mục 1.2.

1.3. Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được hiểu là trẻ em bị **khuyết tật** có ông/bà (nội/ngoại) đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, gồm:

a) Trẻ em khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Trẻ em khuyết tật nhẹ là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học không thuộc đối tượng quy định tại điểm a tiêu mục 1.3, được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định.

1.4. Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng;

b) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại biệt tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành theo quy định tại thời điểm thực hiện);

d) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng;

đ) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại biệt tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

e) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (thuộc danh mục do Bộ Y tế ban hành theo qui định tại thời điểm thực hiện);

g) Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng.

Trong đó:

- Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c tiêu mục 1.4 được hiểu là: trẻ em có cha hoặc mẹ đã chết.

- Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày là người đang mắc một hoặc nhiều bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế (hiện nay là Thông tư 25/2025/TT-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật an toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số Điều của Luật khám, chữa bệnh).

- Biệt tích từ 24 tháng trở lên được hiểu là không có tung tích, không còn liên lạc với gia đình, người thân từ 24 tháng trở lên.

1.5. Trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con; trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục.

1.6. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS.

2. Chính sách hỗ trợ

2.1. Hỗ trợ hằng tháng

2.1.1. Mức hỗ trợ

a) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ **được hỗ trợ thêm hằng tháng** (ngoài mức trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định hiện hành) để bảo đảm tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định (theo khu vực nông thôn/thành thị).

b) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo; trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định mức khuyết tật nhẹ không thuộc đối tượng quy định tại điểm a mục 2.1.1 được **hỗ trợ hằng tháng bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều** do Chính phủ quy định (theo khu vực nông thôn/thành thị).

c) Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng; trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con; trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ hằng tháng bằng 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định.

* **Mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều** hiện nay do Chính phủ quy định theo Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 về quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030.

- Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026:

+ 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn.

+ 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị.

- Từ 01/01/2027 đến hết 31/12/2030:

+ 2.200.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn.

+ 2.800.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị.

* **Mức chuẩn trợ giúp xã hội** do Chính phủ quy định thời điểm hiện nay được thực hiện theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 14/3/2021 của Chính phủ quy định một số chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, là **500.000 đồng/tháng**.

Ví dụ 1: Cháu A thuộc hộ nghèo, sinh sống tại khu vực thành thị, là trẻ em khuyết tật nặng, đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng với mức 1.400.000 đồng/tháng và thuộc đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND. Mức **hỗ trợ thêm** hằng tháng của cháu A như sau:

- Năm 2026 là: 2.000.000 đồng - 1.400.000 đồng = 600.000 đồng/tháng.

- Từ năm 2027- 2030 là: 2.800.000 đồng - 1.400.000 đồng = 1.400.000 đồng/tháng.

Ví dụ 2: Cháu B thuộc hộ thoát cận nghèo năm 2025, sinh sống ở khu vực nông thôn, thuộc đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND, cháu B được **hỗ trợ hằng tháng** như sau:

- Năm 2026 là: 1.500.000 đồng/tháng.
- Từ năm 2027- 2030 là: 2.200.000 đồng/tháng

Ví dụ 3: Cháu C là trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng thuộc thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, sinh sống ở khu vực thành thị. Cháu C đang hưởng trợ cấp hằng tháng là 1.750.000 đồng/tháng và thuộc đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND. Mức **hỗ trợ thêm** của cháu C như sau:

- Năm 2026 là: 2.000.000 đồng - 1.750.000 đồng = 250.000 đồng/tháng
- Từ năm 2027- 2030 là: 2.800.000 đồng - 1.750.000 đồng = 1.050.000 đồng/tháng.

Ví dụ 4: Cháu D là trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, thuộc đối tượng được hưởng theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND. Mức **hỗ trợ hằng tháng** của cháu D là: 500.000 đồng x 1,5 lần = 750.000 đồng/tháng.

Ví dụ 5: Cháu E là trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục, thuộc đối tượng hưởng theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND. Mức hỗ trợ hằng tháng của cháu D là: 500.000 đồng x 1,5 lần = 750.000 đồng/tháng. Thời gian hưởng của cháu E được tính cho đến khi mẹ cháu đủ 18 tuổi.

2.1.2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

a) Nguyên tắc áp dụng

Trường hợp đối tượng đồng thời thuộc nhiều nhóm được hưởng chính sách hỗ trợ với các mức khác nhau theo quy định tại Nghị quyết này hoặc các chính sách đặc thù khác của thành phố thì chỉ được hưởng **một** mức hỗ trợ cao nhất.

Ví dụ 6: Cháu H vừa là trẻ em thuộc hộ cận nghèo, sinh sống ở nông thôn vừa là trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng. Theo quy định của Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND, cháu H chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất dành cho trẻ em thuộc hộ cận nghèo.

b) Điều kiện hỗ trợ, gồm:

- Các đối tượng thụ hưởng chính sách của Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND là trẻ em (người dưới 16 tuổi).
- Trẻ em có đăng ký thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Trẻ em quy định tại điểm b tiêu mục 1.2, tiêu mục 1.3, tiêu mục 1.4 và tiêu mục 1.5 mục 1 không bao gồm trẻ em được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng.

2.1.3. Thời gian hưởng và chấm dứt hưởng hỗ trợ

- Thời gian hưởng hỗ trợ: kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định hỗ trợ theo Nghị quyết số 55/2025/NQ- HĐND.

- Thời gian tiếp tục hỗ trợ đối với trường hợp thoát nghèo, thoát cận nghèo: trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND được tiếp tục hỗ trợ hằng tháng và hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế trong thời gian 36 tháng, kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Thời gian hỗ trợ đối với trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục: được hỗ trợ cho đến khi mẹ đủ 18 tuổi.

- Thời gian thôi hưởng, điều chỉnh mức hưởng hỗ trợ hằng tháng: kể từ tháng ngay sau tháng đối tượng chết, hoặc không đủ điều kiện hưởng hoặc thay đổi điều kiện hưởng (ví dụ: quá tuổi trẻ em; thay đổi mức chuẩn thu nhập nghèo đa chiều).

Ví dụ 7. Cuối năm 2025, tại xã X, sau khi rà soát hộ nghèo, cháu N được xác định trong **hộ thoát nghèo**. Như vậy, cháu N thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND. Cháu N được hỗ trợ hằng tháng và hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế trong thời gian 36 tháng, kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo.

2.1.4. Hồ sơ và trình tự thực hiện

Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ hằng tháng đối với các nhóm đối tượng quy định tại Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND được thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan; không đặt thêm thủ tục hành chính mới. Trong quá trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, đối chiếu thông tin, bảo đảm hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định. Để thống nhất khi triển khai, một số nội dung được lưu ý như sau:

a) Đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục:

Hồ sơ, trình tự, thủ tục hưởng hỗ trợ hằng tháng được thực hiện như hồ sơ, thủ tục đối với đối tượng trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng hưởng trợ cấp xã hội

hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế (Nghị định số 147/2025/NĐ-CP) .

Hồ sơ gồm: Tờ khai theo mẫu 1a ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình các giấy tờ để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với thông tin ghi trong tờ khai.

b) Đối với trẻ em khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

Hồ sơ, trình tự, thủ tục hưởng hỗ trợ hàng tháng đối với trẻ em khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được thực hiện như hồ sơ, thủ tục đối với đối tượng người khuyết tật hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ

Hồ sơ gồm: Tờ khai theo mẫu 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình các giấy tờ để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với thông tin ghi trong tờ khai.

c) Đối với trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con

Hồ sơ, trình tự, thủ tục hưởng hỗ trợ hàng tháng đối với trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con được thực hiện như hồ sơ, thủ tục đối với người đơn thân nghèo đang nuôi con hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Hồ sơ gồm: Tờ khai theo mẫu 1c ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình các giấy tờ để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với thông tin ghi trong tờ khai.

d) Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS

Hồ sơ, trình tự, thủ tục hưởng hỗ trợ hàng tháng đối với trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS được thực hiện như hồ sơ, thủ tục với trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc diện hộ nghèo hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Hồ sơ gồm: Tờ khai theo mẫu 1b ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình các giấy tờ để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với thông tin ghi trong tờ khai.

đ) Trường hợp đối tượng thay đổi nơi cư trú:

Trường hợp đối tượng đang hưởng hỗ trợ của Nghị quyết thay đổi nơi cư trú và có đề nghị được nhận chế độ chính sách ở nơi cư trú mới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cũ quyết định thôi chi trả hỗ trợ tại địa bàn và có văn bản gửi kèm theo giấy tờ có liên quan của đối tượng đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới của đối tượng;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới căn cứ giấy tờ liên quan của đối tượng quyết định hỗ trợ cho đối tượng theo mức tương ứng áp dụng tại địa bàn từ tháng thôi chi trả tại nơi cư trú cũ.

e) Đối tượng chuyển tiếp: Đối với trẻ em thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025-2030, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát các đối tượng, trường hợp vẫn thuộc diện được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ cho đối tượng theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND.

2.2. Chính sách hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế

2.2.1. Mức hỗ trợ

Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi thuộc các đối tượng trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, trẻ em khuyết tật nhẹ là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con; trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục được hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế hằng năm.

2.2.2. Thời gian và nguyên tắc hỗ trợ

- Thời gian bắt đầu thực hiện hỗ trợ: kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND

Đối với trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo là đối tượng quy định tại Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND được tiếp tục hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế trong thời gian 36 tháng kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Nguyên tắc hỗ trợ:

+ Trường hợp đối tượng quy định tại mục 2.2.1 thuộc diện được cấp nhiều loại thẻ Bảo hiểm y tế thì chỉ được cấp một thẻ Bảo hiểm y tế có quyền lợi bảo hiểm cao nhất.

+ Việc cấp thẻ Bảo hiểm y tế phải bảo đảm liên tục quyền lợi khám, chữa bệnh, không để xảy ra gián đoạn ảnh hưởng đến quyền lợi của trẻ em.

2.2.3. Trình tự thực hiện

- Đối với trẻ em không theo học tại các cơ sở giáo dục: căn cứ Quyết định hưởng chính sách hỗ trợ của đối tượng, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách đề nghị cấp thẻ Bảo hiểm y tế đối với đối tượng thuộc diện hưởng chính sách theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND gửi Bảo hiểm xã hội khu vực làm căn cứ cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định.

- Đối với trẻ em đang theo học tại các cơ sở giáo dục: căn cứ Quyết định hưởng chính sách hỗ trợ của đối tượng, các cơ sở giáo dục lập riêng danh sách đề nghị cấp thẻ Bảo hiểm y tế đối với đối tượng thuộc diện hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý thông tin.

Hằng quý và hằng năm, Bảo hiểm xã hội cơ sở chủ trì, phối hợp với đầu mối cấp xã (Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế, cơ sở giáo dục) rà soát, đối chiếu, xác định đối tượng, số tiền ngân sách địa phương hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế theo quy định của Nghị quyết.

Bảo hiểm xã hội thành phố tổng hợp kinh phí thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định gửi Sở Tài chính thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

III. NGUỒN KINH PHÍ

Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan rà soát đối tượng của Nghị quyết, xây dựng dự toán kinh phí gửi về Sở Tài chính, đồng thời gửi về Sở Y tế để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kinh phí được phân bổ về Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ đối tượng và thực hiện quyết toán theo quy định.

Nguồn kinh phí hỗ trợ được bảo đảm từ nguồn ngân sách thành phố được giao trong dự toán ngân sách hằng năm của ngành y tế và các địa phương, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành để sử dụng và chi theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

1.1. Chi cục Dân số và Trẻ em

- Chủ trì, tham mưu, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể; các phòng, đơn vị thuộc Sở Y tế tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND.

- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ thuộc Sở, các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát các đơn vị, địa phương thực hiện các chính sách và việc hỗ trợ, sử dụng kinh phí theo quy định.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến, quán triệt, tuyên truyền về Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND.

1.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Tổng hợp kinh phí thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND theo đề xuất của các địa phương để xây dựng vào dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn của Sở Tài chính trong công tác kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND đảm bảo đúng điều kiện, đúng đối tượng, không phát sinh tiêu cực, thất thoát ngân sách nhà nước.

1.3. Phòng Phòng Chống tệ nạn xã hội và Bảo trợ xã hội

Phối hợp với Chi cục Dân số và Trẻ em, các phòng nghiệp vụ thuộc Sở, các đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát các đơn vị, địa phương thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND.

2. Đề nghị Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện chính sách đảm bảo quy định; Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách.

3. Đề nghị Bảo hiểm xã hội thành phố

Chỉ đạo, hướng dẫn Bảo hiểm xã hội cơ sở tổ chức triển khai thực hiện việc cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng được hỗ trợ Bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND, hướng dẫn nghiệp vụ của Sở Y tế theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân được biết.

- Hàng năm, tổ chức rà soát, xác định đối tượng; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách; ban hành Quyết định và tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định.

- Căn cứ kết quả rà soát và nhu cầu thực tế, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, gửi Sở Tài chính và Sở Y tế theo quy định để tổng hợp dự toán, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định; bảo đảm bố trí đầy đủ nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai và tổ chức thực hiện chính sách; việc xét duyệt đối tượng và chi trả chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND trên địa bàn quản lý; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai sót; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Trên đây là nội dung hướng dẫn của Sở Y tế thực hiện Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố. Sở Y tế trân trọng đề nghị Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo quy định; yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc Sở Y tế nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Y tế để phối hợp giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- PCT UBND TP Vũ Tiên Phụng; (để b/cáo)
- Ban VHXXH-HĐND TP;
- Các Sở: TC, TP, NNMT, GDĐT, VHTT&DL;
- Bảo hiểm XH thành phố;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Phòng VH –XH xã, phường, đặc khu;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, CCDSTE.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Huy Thục